TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG XUÂN** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HNGĐ - ST
Ngày 11 tháng 4 năm 2025
V/v: *Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Lê Thị Tâm**
Các hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Văn Bồng và bà Lê Thị Liên**
Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Khánh Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa:
Ông: Vũ Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 171/2024/TLST – HNGĐ ngày 04/11/2024 về việc: "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐST- HNGĐ ngày 03/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST- HNGĐ ngày 25/6/2024 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn*: Chị Cầm Thị T, sinh năm 1995
Nơi đăng ký HKTT: Thôn C, xã BM, huyện TX, tỉnh Thanh Hoá
Nơi ở hiện nay: Thôn C, xã XC, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.
Nghề nghiệp: Giáo viên Trường Tiểu học Xuân Lẹ (*có mặt*);
+ *Bị đơn*: Anh Lương Văn N, sinh năm: 1988
Địa chỉ: Thôn C, xã BM, huyện TX, tỉnh Thanh Hoá;
Nghề nghiệp: Lao động tự do (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2024; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Cầm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Cầm Thị T và anh Lương Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương vào tháng 12 năm 2017, đến ngày 04/5/2018 đến Ủy ban nhân dân xã BM để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đầm ấm hạnh phúc được hơn ba năm, đến năm 2022 trở lại đây thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mỗi người một công việc khác nhau nên không có sự chia sẻ động viên nhau trong cuộc sống, ngoài ra chồng hay ghen tuông, xúc phạm, bạo lực đối với chị, thường xuyên uống rượu không chịu khó làm ăn, hai bên gia đình nội, ngoại cũng khuyên giải nhiều lần để hai vợ chồng cùng nhau chung sống và nuôi dạy con con cái nhưng vẫn không thu được kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài thêm được nữa nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung cháu Lương Gia H, sinh ngày 05/9/2019. Vợ chồng ly hôn chị T xin nuôi cháu H và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại các Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lương Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Anh N đồng ý với phần trình bày về đăng ký kết hôn của chị Cầm Thị T trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc yêu thương nhau nuôi dạy con nhưng được một thời gian, vào khoảng thời gian tháng 04/2022 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do điều kiện kinh tế khó khăn dẫn đến thường xuyên cải vã nhau, hai bên gia đình nội, ngoại khuyên giải cho vợ chồng đoàn tụ, chăm lo cho con nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 02/2023 đến nay, công việc của ai người đó tự lo. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị T làm thủ tục ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lương Gia H, sinh ngày 05/9/2019, vợ chồng ly hôn, anh xin được nuôi cháu H và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản; công nợ: Chị Cầm Thị T và anh Lương Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 27/11/2024. Ông Lương Quang T (bố đẻ anh N) cho biết: Cháu T và cháu N kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã BM, sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình ông tại thôn C, xã BM, huyện TX. Sau khi kết hôn sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, đến năm 2022 thì vợ chồng các cháu có xảy ra mâu thuẫn cãi cọ nhau, gia đình đã khuyên giải cho hai cháu nhưng vẫn không có kết quả, đến năm 2023 thì hai cháu không sống cùng nhau nữa. Nay được biết cháu T làm đơn xin ly hôn cháu Nam đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chính quyền địa phương xác nhận: Anh N và chị T chung sống với nhau tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Năm 2022 chị T và anh N có nảy sinh mâu thuẫn, đến năm 2023 thì không thấy chị T và anh N chung sống với nhau nữa, nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ và

cũng không tham gia hòa giải, được biết chị T làm đơn xin ly hôn anh N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân phát biểu quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử,Thư ký phiên toà và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng theo luật định.

Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cầm Thị T được ly hôn với anh Lương Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lương Gia H, sinh ngày 05/9/2019. Cả chị T và anh N đều có nguyện vọng nuôi cháu H. Đề nghị HĐXX xem xét đến nguyện vọng của chị T, hiện tại chị T là giáo viên, công việc ổn định, thu nhập ổn định nên áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật HN và GĐ, giao cháu H cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản; công nợ: Chị T và anh N không yêu cầu gì nên không xem xét. Về án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, vắng mặt anh N, Tòa án đã tống đạt, niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh N. Tại phiên tòa anh N vắng mặt nên căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Việc khởi kiện của nguyên đơn chị Cầm Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Cầm Thị T và anh Lương Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật, đủ cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị T và anh N mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã tiến hành xác minh trực tiếp với chính quyền địa phương về tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh N trong quá trình chung sống. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần cho vợ chồng đoàn tụ, hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Như vậy, xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng thể hiện việc chị T và anh N đã sống ly thân từ

tháng 02/2023 đến nay, trong thời gian ly thân không ai còn quan tâm hàn gắn hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh N là có căn cứ.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng công nhận có 01 (một) con chung là cháu Lương Gia H, sinh ngày 05/9/2019.

Xét nguyện vọng xin nuôi con của chị Cầm Thị T và anh Lương Văn N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyện vọng xin nuôi con của anh, chị là hoàn toàn chính đáng, do đó rất cần sự quan tâm chăm sóc ăn học cho con là trách nhiệm của cả bố, mẹ. HĐXX thấy rằng: Từ khi sinh ra cháu H ở với chị T được chị chăm sóc, nuôi dưỡng, để bảo vệ quyền lợi cho phụ nữ và trẻ em cũng như nguyện vọng của chị Thông. Xét về mặt tâm lý của trẻ, hoàn cảnh sống để tạo điều kiện về sự phát triển tốt về thể chất, không làm xáo trộn việc học tập cũng như sinh hoạt của cháu. Vì vậy, căn cứ Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu Lương Gia H cho chị Cầm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lương Gia H. Chị T có nghề nghiệp ổn định, thu nhập hàng tháng trên 10.000.000đồng, chị có đủ điều kiện nuôi con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. *Về tài sản; công nợ*: Chị Cầm Thị T và anh Lương Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị T phải nộp án phí HNGĐ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 5; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định *"Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án"*.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Cầm Thị T

Về hôn nhân: Chị Cầm Thị T được ly hôn với anh Lương Văn N

Về con chung: Giao cháu Lương Gia H, sinh ngày 05/9/2019 cho chị Cầm Thị T trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Lương Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản; công nợ: Chị Cầm Thị T và anh Lương Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Cầm Thị T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí

theo biên lai số: 0006304 ngày 04/11/2024 tại Chi cục thi hành án huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, số tiền này được chuyển thành tiền án phí của chị T phải nộp.

Quyền kháng cáo: Chị Cầm Thị T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/4/2025). Anh Lương Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Tâm

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Thường Xuân;*
- *TAND tỉnh Thanh Hoá;*
- *Chi cục THADS huyện Thường Xuân;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã Bát Mọt;*
- *Lưu HSVA.*